

Bản án số: 10/2024/DS-ST
Ngày: 22/5/2024
V/v tranh chấp hợp đồng vay
và mua bán tài sản.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PH, TỈNH PHÚ YÊN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Minh Nhật.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lương Văn Phước;
2. Bà Phan Thị Thúy Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Cẩm Thoang, Thư ký Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên tham gia phiên tòa: Ông Bùi Xuân Tùng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 22 tháng 5 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 169/2023/TLST- DS ngày 03 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp hợp đồng vay tài sản, mua bán tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 11/2024/QĐXXST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Phan Ngọc T, sinh năm 1974 và bà Trần Thị Bích T1, sinh năm 1979; Trú tại: Khu phố B, phường PT, thành phố TH, tỉnh Phú Yên. Điều có mặt tại phiên tòa.

Bị đơn: Bà Phạm Thị T2, sinh năm 1984 và ông Nguyễn Đình P, sinh năm 1983; Trú tại: Thôn AN, xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên. Điều vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 08/9/2023, quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phan Ngọc T và bà Trần Thị Bích T1 trình bày:

Nguồn trước đây bà Phạm Thị T2 (chồng là ông Nguyễn Đình P) là người làm công cho vợ chồng ông T, bà T1; vào năm 2022 bà T2 tách ra làm riêng và mua yếm của ông T, bà T1; bà T2 là người trực tiếp giao dịch và việc thỏa thuận mua bán chỉ bằng lời nói, không lập hợp đồng bằng văn bản cũng không có chứng từ về việc giao nhận hàng. Bà T2, ông P nhiều lần mua yếm tổ (yếm tai), yếm vụn của vợ chồng ông T, bà T1 và tính đến ngày 16/8/2022, vợ chồng bà T2, ông P còn nợ số tiền là 290.000.000 đồng. Bà T2 viết Giấy mượn số tiền 290.000.000 đồng nhưng thực chất số tiền này là tiền nợ mua bán yếm.

Sau đó, vợ chồng bà T2, ông P vẫn tiếp tục mua yếm của vợ chồng ông T, bà T1 và số nợ tính đến ngày 10/01/2023 là 650.000.000 đồng.

Vợ chồng ông T, bà T1 đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng bà T2, ông P trả số tiền nợ nói trên, nhưng vợ chồng bà T2, ông P trốn tránh, không trả nợ. Nay vợ chồng ông T, bà T1 khởi kiện yêu cầu buộc vợ chồng bà T2, ông P phải trả đủ một lần số tiền nợ 650.000.000 đồng. Ngày 16/4/2024 ông T, bà T1 thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bà T2, ông P trả số tiền 590.000.000 đồng về khoản nợ hợp đồng mua bán.

Tại Bản tự khai ngày 29/01/2024, 07/02/2024; Biên bản ghi lời khai ngày 07/02/2024 và quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Đình P trình bày:

Vợ ông P là bà Phạm Thị T2 đã được ông P thông báo về nội dung yêu cầu khởi kiện và các thông báo, giấy triệu tập của Tòa án nhưng do bà T2 bận công việc ở Tp. Hồ Chí Minh nên không tham gia tố tụng tại Tòa án được, qua trao đổi với bà T2, ông P có ý kiến trình bày như sau:

Khoảng năm 2022, bà T2 có bàn bạc với ông P về việc mua bán yếm (yếm thô, yếm tổ) và ông P thống nhất. Mọi giao dịch mua bán do bà T2 trực tiếp thực hiện, ông P không theo dõi cũng không nắm thông tin, đối với khoản nợ mua yếm của ông Phan Ngọc T và bà Trần Thị Bích T1 thì bà T2 xác nhận là có nợ tiền mua yếm của vợ chồng ông T, bà T1 và bà T2 có mượn thêm một khoản tiền của vợ chồng T, T1, cụ thể nợ 02 khoản: Vào ngày 16/8/2022 mượn của ông T, bà T1 số tiền 290.000.000 đồng và một lần nợ tiền mua yếm là 300.000.000 đồng, bà T2 phải trả tiền lãi hàng tháng. Do bà T2 bị người khác giật nợ, không trả nên bà T2 không có khả năng trả tiền lại cho ông T, bà T1. Việc mua bán do vợ ông P thực hiện nhưng có sự thống nhất của vợ chồng và mục đích việc kinh doanh cũng dùng cho chi tiêu trong gia đình nên ông P thống nhất số tiền còn nợ là 590.000.000 đồng và vợ chồng cùng chung trách nhiệm trả nợ cho ông T, bà T1. Ông P không đồng ý số tiền còn nợ lại là 60.000.000 đồng vì vợ chồng ông P không nợ số tiền này. Ông P xin được trả trước 100.000.000 đồng, số tiền còn lại (490.000.000 đồng) ông yêu cầu được trả dần, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ vì vợ chồng ông P không có khả năng trả một lần hết nợ do hiện tại kinh tế đang gặp khó khăn, nợ nhiều người và còn nuôi 02 con nhỏ.

Tòa án không tiến hành hòa giải được vì vắng mặt đương sự.

Tại phiên tòa, nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu buộc bà T2, ông P trả số tiền 590.000.000 đồng và không đồng ý việc xin được trả dần của ông P.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

Về thủ tục tố tụng: Trong quá trình thụ lý, giải quyết, xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử (HĐXX), Thư ký thực hiện đúng theo quy định pháp luật tố tụng; việc cấp, tổng đạt các văn bản tố tụng cho Viện kiểm sát và người tham gia tố tụng đúng theo quy định. Nguyên đơn chấp hành đúng

theo quy định về quyền, nghĩa vụ; bị đơn không chấp hành các quy định của pháp luật.

Về nội dung vụ án: Đề nghị HĐXX căn cứ các Điều 430, 440 Bộ luật Dân sự, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bị đơn phải trả cho nguyên đơn số tiền nợ gốc là 590.000.000 đồng về khoản hợp đồng mua bán tài sản, nguyên đơn không yêu cầu lãi phát sinh nên đề nghị không xem xét; Về án phí: bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Về thẩm quyền giải quyết: Nguyên đơn yêu cầu bị đơn trả tiền còn nợ theo hợp đồng mua bán tài sản, bị đơn có nơi cư trú ở xã HA, huyện PH, tỉnh Phú Yên nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện PH, tỉnh Phú Yên theo quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Tại phiên tòa, bị đơn bà Phạm Thị T2 và ông Nguyễn Đình P đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án:

Về số tiền nợ: Nguyên đơn ông Phan Ngọc T và bà Trần Thị Bích T1 khởi kiện yêu cầu giải quyết buộc bị đơn trả số tiền nợ gốc là 650.000.000 đồng, ngày 16/4/2024 và tại phiên tòa nguyên đơn thay đổi yêu cầu khởi kiện, chỉ yêu cầu bị đơn trả số tiền nợ gốc 590.000.000 đồng về khoản hợp đồng mua bán tài sản, việc thay đổi này không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu nên được chấp nhận; bị đơn bà Phạm Thị T2 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng và triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng không có lời trình bày, ông Nguyễn Đình P thừa nhận có thông báo cho bà T2 biết về việc nguyên đơn khởi kiện và vụ việc đang được giải quyết tại Tòa án, sau khi trao đổi thống nhất với bà T2 thì ông P xác định vợ chồng ông P có nợ ông T, bà T1 số tiền 590.000.000 đồng. Tuy nhiên, ông P cho rằng số tiền 300.000.000 đồng là khoản nợ do mua bán yến, còn số tiền 290.000.000 đồng là khoản tiền vay. Xét giấy mượn tiền ngày 16/8/2022 có nội dung bà Phạm Thị T2 có mượn của vợ chồng ông Phan Ngọc T, bà Trần Thị Bích T1 số tiền 290.000.000 đồng, giấy mượn tiền này do nguyên đơn cung cấp và bị đơn ông P thừa nhận chữ ký, chữ viết “T2, Phạm Thị T2” là của vợ ông P

nên có cơ sở xác định đây là khoản nợ tiền vay tài sản. Xét giấy có nội dung tính tiền thì bà T1, ông T xác định tổng số tiền nợ là 302.500.000 đồng và giảm 2.500.000 đồng nên còn nợ 300.000.000 đồng, ông P thừa nhận số tiền nợ này và nợ do mua yếm, lời khai thừa nhận nợ của bị đơn là tình tiết không phải chứng minh quy định tại Điều 92 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Xét thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn phù hợp quy định pháp luật nên HĐXX chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Về tiền lãi phát sinh: Nguyên đơn không yêu cầu Tòa giải quyết nên HĐXX không xem xét.

Về thời hạn trả nợ: Bị đơn yêu cầu được trả trước 100.000.000 đồng, số tiền còn lại (490.000.000 đồng) yêu cầu được trả dần, mỗi tháng 5.000.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng nguyên đơn không đồng ý, xét giấy xác nhận nợ do nguyên đơn cung cấp, hai bên không thỏa thuận nội dung này, HĐXX căn cứ Điều 440, 466, 469 Bộ luật Dân sự không có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bị đơn.

[3] Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được Tòa án chấp nhận nên bị đơn phải chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm, bị đơn có đơn yêu cầu miễn, giảm án phí do mất khả năng thanh toán được chính quyền địa phương xác nhận hoàn cảnh gia đình khó khăn, căn cứ quy định tại Điều 13, khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, giảm một phần án phí cho bị đơn, buộc ông P, bà T2 chịu $[20.000.000 \text{ đồng} + (590.000.000 \text{ đồng} - 400.000.000 \text{ đồng}) \times 4\%] \times 50\% = 13.800.000 \text{ đồng}$ án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 35, 147, 227, 228, 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; các Điều 430, 440, 463, 465, 466, 468 Bộ luật Dân sự và Điều 13, 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn ông Phan Ngọc T và bà Trần Thị Bích T1.

1. Buộc bị đơn ông Nguyễn Đình P, bà Phạm Thị T2 phải trả cho nguyên đơn ông Phan Ngọc T và bà Trần Thị Bích T1 số tiền nợ gốc 590.000.000 đồng (*Năm trăm chín mươi triệu đồng*) về khoản: Tranh chấp hợp đồng mua bán và vay tài sản.

Trường hợp người có quyền có đơn yêu cầu thi hành án mà người có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ của mình thì phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất

phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự 2015.

2. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

3. Án phí: Buộc bị đơn bà Phạm Thị T2 và ông Nguyễn Đình P phải chịu 13.800.000 đồng (*Mười ba triệu tám trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả lại cho nguyên đơn bà Trần Thị Bích T1 và ông Phan Ngọc T tiền tạm ứng án phí đã nộp là 15.000.000đ (*Mười lăm triệu đồng*) tại Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0010203 ngày 26/10/2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện PH, tỉnh Phú Yên.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND tỉnh Phú Yên;
- VKSND huyện PH, tỉnh Phú Yên;
- TAND tỉnh Phú Yên;
- CC THADS huyện PH;
- Lưu AV và HS.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(*Đã ký*)

Trần Minh Nhật